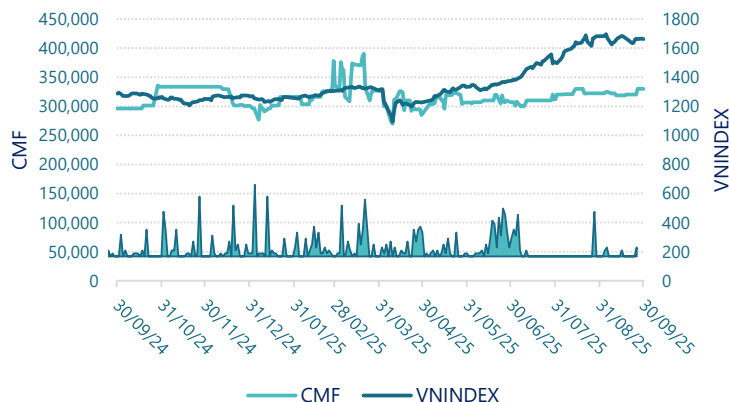




CTCP Thực phẩm Cholimex (UPCOM: CMF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	330,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	390,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	270,000
SL cổ phiếu LH	8,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	132
% sở hữu nước ngoài	24.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,673
P/E	
EPS	

DT thuần

Q3/25

1,055

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 80.0 | 8.2%

YoY: ▲ 64.0 | 6.5%

LN sau thuế

Q3/25

75.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00 | 4.1%

YoY: ▲ 9.70 | 14.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.1%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2025

2,918

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 268 | 10.1%

LN sau thuế

9T 2025

211

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0 | 11.9%

ROE

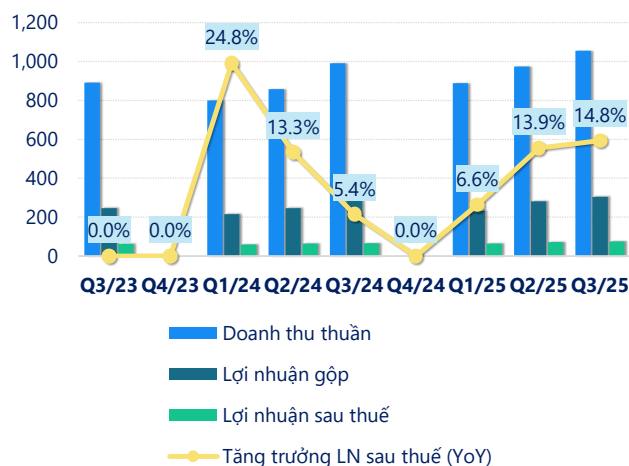
Q3/25

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

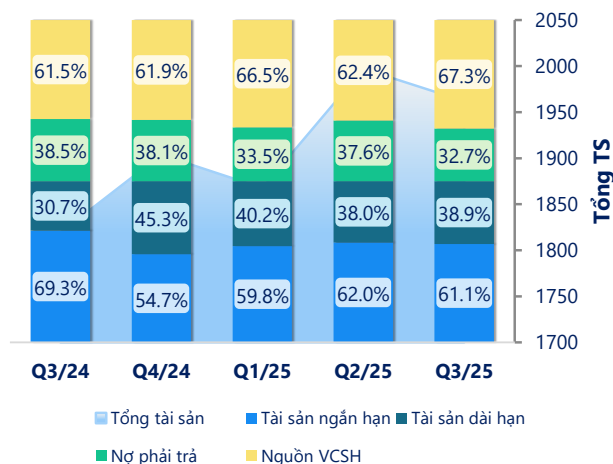
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

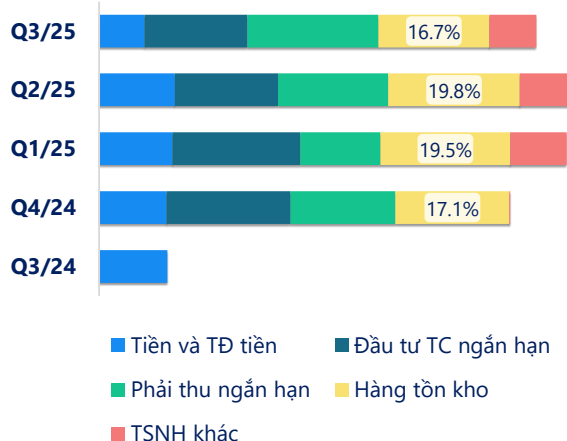
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



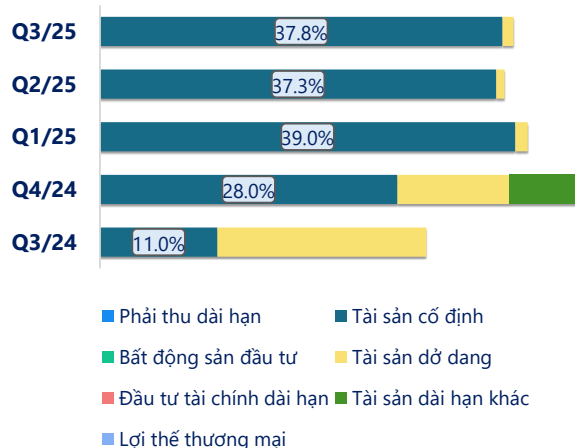
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

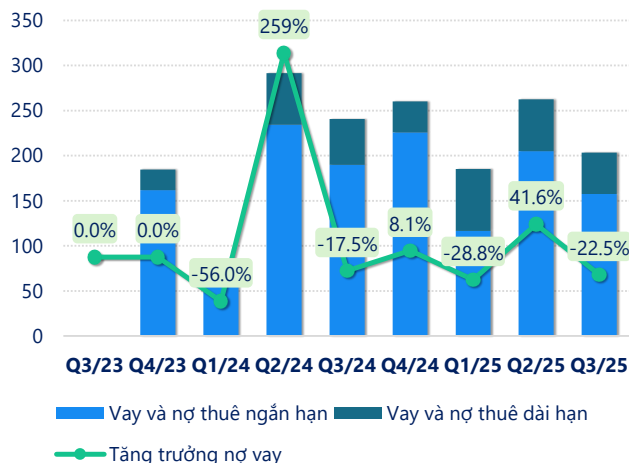
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

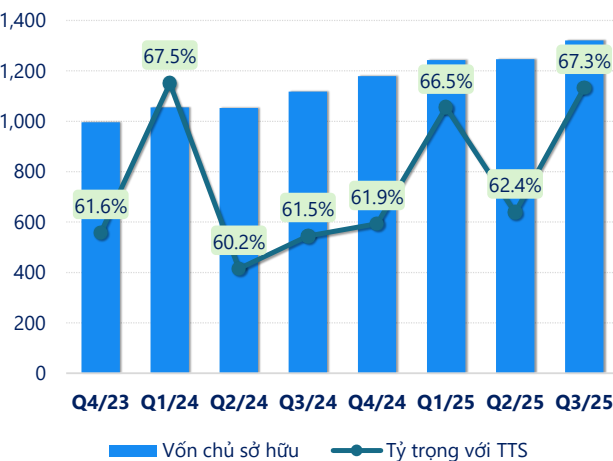
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

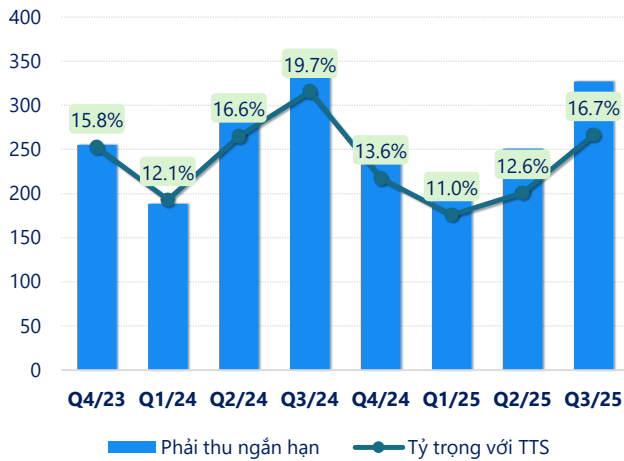
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



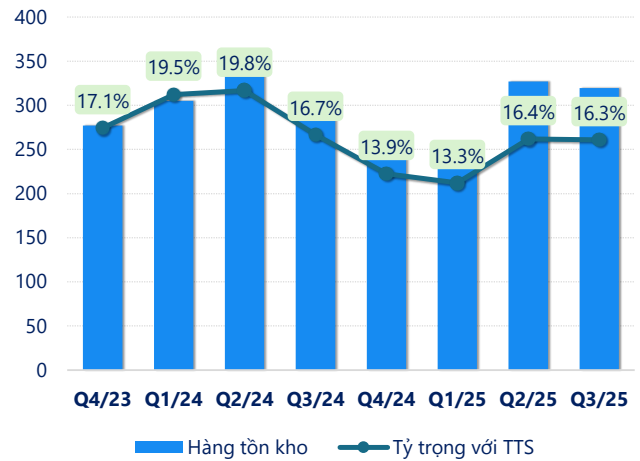
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


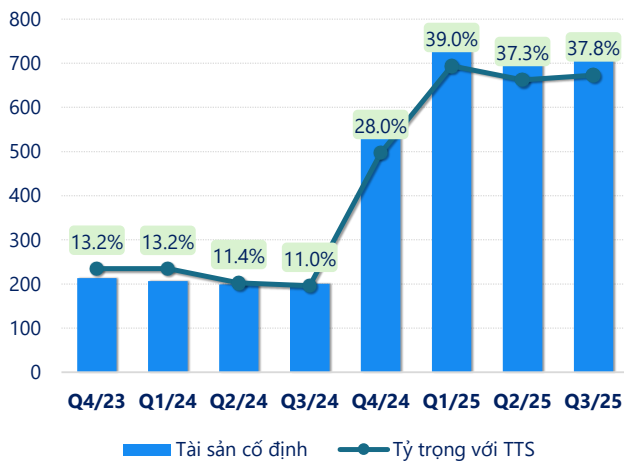
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


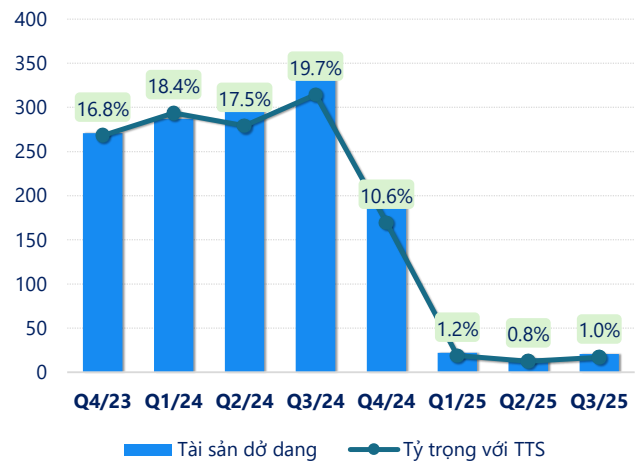
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

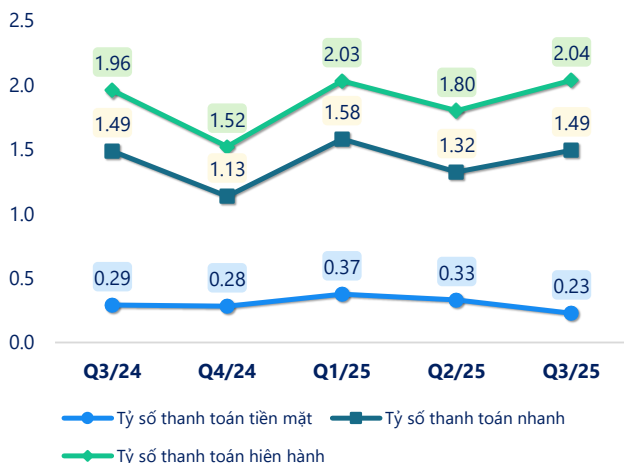
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

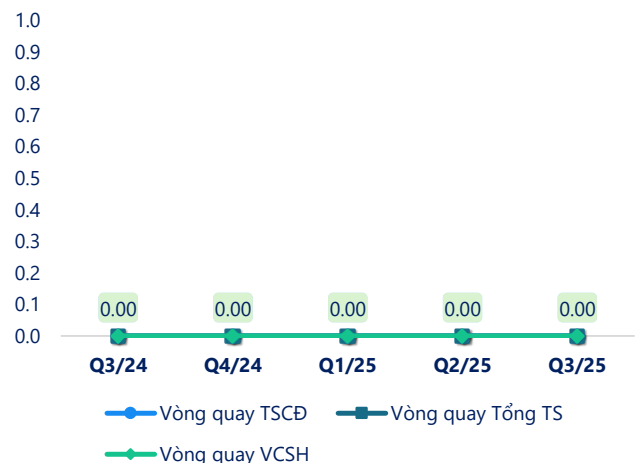
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,819	1,904	1,868	1,997	1,962
Tài sản ngắn hạn	1,261	1,041	1,116	1,237	1,199
Tiền và tương đương tiền	187	193	206	228	134
Đầu tư tài chính ngắn hạn	282	325	328	303	293
Phải thu ngắn hạn	359	259	205	251	327
Hàng tồn kho	303	265	248	327	320
Tài sản ngắn hạn khác	129	0	129	129	125
Tài sản dài hạn	558	863	751	760	763
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	201	532	729	744	743
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	358	202	22.0	15.5	20.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0	129	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	701	725	625	751	641
Nợ ngắn hạn	644	684	550	688	589
Vay và nợ thuê ngắn hạn	190	226	117	205	158
Phải trả người bán ngắn hạn	215	208	263	235	198
Nợ dài hạn	57.0	40.5	74.9	63.4	52.0
Vay và nợ thuê dài hạn	50.9	34.4	68.7	57.3	45.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,118	1,179	1,243	1,246	1,321
Vốn chủ sở hữu	1,118	1,179	1,243	1,246	1,321
Vốn điều lệ	81.0	81.0	81.0	81.0	81.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)